TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28- 8- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Chí Thanh;

2. Bà Lương Thị Anh Đào.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Anh Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1988;

HKTT: Ấp 1, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-4-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Vào năm 2007 chị L và anh T có sống chung với nhau và đăng ký kết hôn

tại UBND xã C, huyện Tân Hồng. Trong quan hệ hôn nhân có 02 con chung là Nguyễn Sĩ L, sinh ngày 20-4-2008 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 27-01-2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị L xin về nhà ba mẹ ruột đám giỗ khi về thì anh T đuổi chị L ra khỏi nhà, mẹ chồng chị L ứng xử với chị L cũng không được tốt, từ đó thường xuyên xảy ra cảnh bất hòa với nhau, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Vì chị L không còn tình cảm với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sĩ L và Nguyễn Minh L (hiện L đang sống với anh T và L đang sống với chị L từ tháng 8 năm 2018 đến nay). Khi khởi kiện chị L yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị L thay đổi yêu cầu là yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh L, vì khi ly thân đến nay cháu L vẫn sống chung với chị L và đồng ý giao con chung Nguyễn Sĩ L cho anh T nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu L cũng như không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Qua trình bày của chị Nguyễn Thị Thùy L, anh T thống nhất là vào năm 2007 chị L và anh T có sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Trong quan hệ hôn nhân có 02 con chung là Nguyễn Sĩ L và Nguyễn Minh L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị L đi đám giỗ ở nhà ba mẹ ruột mà không báo anh T nên anh T có nói đi được đi luôn đi, lúc đó chị L soạn đồ bỏ đi thì anh T có gọi lại nhưng chị L kiên quyết đi, và ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, anh T nhiều lần gặp chị L hàn gắn nhưng chị L không đồng ý và vẫn kiên quyết ly hôn. Qua yêu cầu của chị L, anh T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị L vì còn rất thương vợ con.

- Về con chung: Nếu trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh T yêu cầu nuôi dưỡng con chung là Sĩ L, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về con chung tên Minh L anh T đồng ý giao cho chị L nuôi dưỡng, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L và anh T được ly hôn; về con chung công nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao Nguyễn Sĩ L cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu L, giao Nguyễn Minh L cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Hồng năm 2007. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L yêu cầu ly hôn, ý kiến anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ. Xét thấy: Vợ chồng chị L và anh T ly thân từ tháng 8 năm 2018, đến tháng 02 năm 2019 chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng đến tháng 3 năm 2019 chị L tự nguyện rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng không hàn gắn được nên đến ngày 10 tháng 4 năm 2019 chị L khởi kiện lại, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã 02 lần hòa giải đoàn tụ và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã một lần nữa hòa giải đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn. Ngoài ra, từ khi ly thân tháng 8 năm 2018 đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của chị L, cho vợ chồng chị L và anh T được ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh T thống nhất thỏa thuận: Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 27-01-2015 và anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Sĩ L, sinh ngày 20-4-2008. Xét thấy: Việc thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình (cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Sĩ L), khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "… 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.". Do đó, công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung của chị L và anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu, cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L và anh T được ly hôn; về con chung công nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao Nguyễn Sĩ L cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu L, giao Nguyễn Minh L cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên phần nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. …". Vậy, chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T. Giao con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 27-01-2015 (hiện đang sống chung với chị L) cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung tên Nguyễn Sĩ L, sinh ngày 20-4-2008 (hiện đang sống chung với anh T) cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L). Chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Nguyễn Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2017 0008004 ngày 16-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Thùy L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2019).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Công Chí;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Đỗ Thị Thùy Dung